

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2017.F.1 (2017-2021)

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh
Ngành: Sư phạm Tiếng Anh

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng bổ trợ	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2017 -2018

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	ENG4021	Tiếng Anh 1A	4	8
8	ENG4022	Tiếng Anh 1B	4	8
9		Ngoại ngữ A1	4	4
Cộng			15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	ENG4023	Tiếng Anh 2A	4	8
12	ENG4024	Tiếng Anh 2B	4	8
13		Ngoại ngữ A2	5	5
Cộng			16	24

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	ENG4025	Tiếng Anh 3A	4	8
15	ENG4026	Tiếng Anh 3B	4	8
16	ENG4027	Tiếng Anh 3C	3	5
17		Ngoại ngữ B1	5	5
18		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)</i>				
Cộng			16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	ENG4028	Tiếng Anh 4A	4	8
20	ENG4029	Tiếng Anh 4B	4	8
21	ENG4030	Tiếng Anh 4C	4	5
22	PSF3007	Tâm lý học	3	3
23&24		Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	ENG1001	Địa lý đại cương	3	
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	
	MAT1092	Toán cao cấp	4	
	ENG1002	Môi trường và phát triển	3	
	MAT1101	Xác suất thống kê	3	
Cộng			15--21	24--30

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
25	PSF3008	Giáo dục học	3	3
26	ENG 3047	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	3	3
27	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
28	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
29	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
30		Môn tự chọn (Khối III.2)	(2)	(2)
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ môn học tự chọn thuộc khối III.2 ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
Cộng			15	15

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
31	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục	2	2
32	ENG3065	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	3
33	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
34&35		Môn tự chọn (IV.2.2)	6	6
	ENG2060	Phân tích điển ngôn	3	
	ENG2053	Văn học CNM tiếng Anh	3	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối V.1.2 ở HK6 hoặc 7)</i>				
36,37,38&39		Môn tự chọn (V.2)	(12)	(12)
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3
	ENG3068	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3
	ENG3050	Một số vấn đề về dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối V.2 ở HK6 và 7)</i>				
Cộng			8--14	8--14

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
40	ENG3045	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3
		Môn tự chọn (IV.2.2)	(6)	(6)
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3
		Môn tự chọn (V.2)	12	12
	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
	ENG3078	Xây dựng chương trình và chương trình chi tiết	3	3
	ENG3048	Giáo dục song ngữ	3	3
	ENG3040	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành	3	3
	ENG3037	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3
	ENG3036	Cơ sở giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	3
	ENG3069	Thu đặc ngôn ngữ	3	3
Cộng			3--15	3--15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
41	ENG4003	Thực tập	3	3
42	ENG4053	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 môn tự chọn trong số khối IV, V	6	6
Cộng			9	9

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 136

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

TRƯỞNG KHOA SƯ PHẠM T.ANH

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Vũ Hải Hà

Hà Lê Kim Anh

Ngô Minh Thủy

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2017.F.1 (2017-2021)

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh

Ngành: Ngôn ngữ Anh - Định hướng Phiên dịch

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

**CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH
NĂM HỌC 2017-2018**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	ENG4021	Tiếng Anh 1A	4	8
8	ENG4022	Tiếng Anh 1B	4	8
9		Ngoại ngữ A1	4	4
Cộng			15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	VLFI052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	ENG4023	Tiếng Anh 2A	4	8
12	ENG4024	Tiếng Anh 2B	4	8
13		Ngoại ngữ A2	5	5
Cộng			16	24

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	ENG4025	Tiếng Anh 3A	4	8
15	ENG4026	Tiếng Anh 3B	4	8
16	ENG4027	Tiếng Anh 3C	3	5
17		Ngoại ngữ B1	5	5
18		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	
	VLFI053	Tiếng Việt thực hành	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)</i>				
Cộng			16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	ENG4028	Tiếng Anh 4A	4	8
20	ENG4029	Tiếng Anh 4B	4	8
21	ENG4030	Tiếng Anh 4C	4	5
22&23		Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	ENG1001	Địa lý đại cương	3	
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	
	MAT1092	Toán cao cấp	4	
	ENG1002	Môi trường và phát triển	3	
	MAT1101	Xác suất thống kê	3	
Cộng			12--18	21--27

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
25	ENG3030	Biên dịch	3	3
26	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
27	ENG2052	Đặt nước học Anh - Mỹ	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	(2))	(2))
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ môn học tự chọn thuộc khối III ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
Cộng			12	12

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
28	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
29	ENG3049	Lý thuyết dịch	3	3
30	ENG3062	Phiên dịch	3	3
31	ENG3006	Biên dịch nâng cao	3	3
32&33		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	ENG2060	Phân tích điển ngôn	3	3
	ENG2053	Văn học CNW tiếng Anh	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 hoặc /và 7)</i>				
34,35 &36		Môn tự chọn (V.2.2)	(9))	(9))
	ENG3072	Tiếng Anh kinh tế	3	3
	ENG3073	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối V.2.2 ở HK6 hoặc /và 7)</i>				
Cộng			12--18	12--18

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
37	ENG3032	Nghiệp vụ biên/phiên dịch	3	3
38	ENG3064	Phiên dịch nâng cao	3	3
		Môn tự chọn (V.2.2)	9	9
	ENG3063	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	ENG3031	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	ENG3061	Đánh giá chất lượng bản dịch	3	3
	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến	3	3
		Môn tự chọn (IV.1.2)	(6))	(6))
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ môn học tự chọn thuộc khối IIV.1.2 và V.2.2 ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)</i>				
Cộng			6--15	6--15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
39	ENG4001	Thực tập	3	3
40	ENG4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 môn tự chọn trong số khối IV, V	6	6
Cộng			9	9

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

134

TRƯỞNG KHOA SƯ PHẠM T.ANH

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Vũ Hải Hà

Hà Lê Kim Anh

Ngô Minh Thủy

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2017.F.1 (2017-2021)

Khoa Sư phạm tiếng Anh & Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh
Ngành: Ngôn ngữ Anh - Định hướng Quản trị học

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
		Tổng tín chỉ tích lũy	13	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2017-2018

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	ENG4021	Tiếng Anh 1A	4	8
8	ENG4022	Tiếng Anh 1B	4	8
9		Ngoại ngữ A1	4	4
		Cộng	15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	ENG4023	Tiếng Anh 2A	4	8
12	ENG4024	Tiếng Anh 2B	4	8
13		Ngoại ngữ A2	5	5
		Cộng	16	24

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	ENG4025	Tiếng Anh 3A	4	8
15	ENG4026	Tiếng Anh 3B	4	8
16	ENG4027	Tiếng Anh 3C	3	5
17		Ngoại ngữ B1	5	5
18		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
		(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)		
		Cộng	16--18	26--28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	ENG4028	Tiếng Anh 4A	4	8
20	ENG4029	Tiếng Anh 4B	4	8
21	ENG4030	Tiếng Anh 4C	4	5
22&23		Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	ENG1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	ENG1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê	3	3
		Cộng	12--18	21--27

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
25	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3
26	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
27	ENG3030	Biên dịch	3	3
28	ENG3079	Quản lý dự án	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	(2)	(2)
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
		(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)		
		Cộng	15	15

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	ENG3062	Phiên dịch	3	3
30	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
31	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
32&33		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	ENG2060	Phân tích điển ngôn	3	3
	ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3
		(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 hoặc 7)		
		Môn tự chọn (V.1.2)	(9)	(9)
	ENG3072	Tiếng Anh kinh tế	3	3
	ENG3073	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3
	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến	3	3
	ENG3038	Công nghệ trong quản lý dự án	3	3
		(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối V.1.2 ở HK6 hoặc 7)		
		Cộng	9--15	9--15

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
34	ENG3080	Quản trị văn phòng	3	3
35	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3
36,37&38		Môn tự chọn (V.1.2)	9	9
	ENG3006	Biên dịch nâng cao	3	3
	ENG3064	Phiên dịch nâng cao	3	3
	ENG3032	Nghiệp vụ biên/phiên dịch	3	3
	ENG3043	Kỹ năng biên tập văn bản	3	3
		Môn tự chọn (IV.1.2)	(6)	(6)
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3
		(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 hoặc 7)		
		Cộng	6--15	6--15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
39	ENG4001	Thực tập	3	3
40	ENG4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 môn tự chọn trong số khối IV, V	6	6
		Cộng	9	9

Tổng số tín chỉ toàn khóa: **134**

TRƯỞNG KHOA SƯ PHẠM T. ANH

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Vũ Hải Hà

Hà Lê Kim Anh

Ngô Minh Thủy

